

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH Q**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2020.

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lưu Đình Lý

2. Bà: Nguyễn Thị Tuyết Bắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Chung - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2020/HPT-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Số nhà 11 T, phường Q, thị xã Q, tỉnh Q. Có đơn xin xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Dương Thái S, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Số nhà 11 T, phường Q, thị xã Q, tỉnh Q. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 04/5/2020, Bản tự khai ngày 13/5/2020 của Nguyên đơn chị Bùi Thị H thể hiện: Chị và anh Dương Thái S đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã C, huyện T (nay là phường C, quận B), thành phố H, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm, 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do Anh S đã sa đà vào tệ nạn xã hội, nghiện ngập ma túy, nhiều lần xin

tiền chi và cầm cố tài sản, thậm chí vay nợ bên ngoài. Vợ chồng chị không còn tiếng nói chung và hết tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn ai quan tâm đến ai và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Thái S.

Về con chung: Chị H và anh S có 02 con chung là Dương Thái D, sinh ngày 12/7/2003 và Dương Thái Bảo N, sinh ngày 01/4/2011. Chị yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh Dương Thái S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu chứng cứ chị Bùi Thị H đã nộp kèm theo Đơn khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (01 Bản sao), Sổ hộ khẩu, tạm trú (Bản sao), Chứng minh nhân dân (01 Bản sao), Giấy khai sinh con chung (02 Bản sao).

Các chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án: Bản tự khai của chị Bùi Thị H; 01 Biên bản lấy lời khai của cháu Dương Thái H; 01 Biên bản lấy lời khai của cháu Dương Thái Bảo N; 01 Biên bản xác minh tại nhà mẹ đẻ của anh Dương Thái S là bà Nguyễn Thúy H; 01 Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương, khu 6, phường Q, thị xã Q, tỉnh Q và 01 Biên bản xác minh tại Chi hội phụ nữ khu phố 6, phường Q, thị xã Q, tỉnh Q.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm HĐXX nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng qui định của pháp luật;

+ Về tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự tại Điều 70 - Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị H đối với anh Dương Thái S. Về con chung: Giao có 02 con chung là chung là Dương Thái D, sinh ngày 12/7/2003 và Dương Thái Bảo N, sinh ngày 01/4/2011 cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng Nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Yêu cầu khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình của chị Bùi Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Q theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi nhận được

Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập, anh Dương Thái S vắng mặt không lý do Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa ngày 31/8/2020, Tại phiên tòa hôm nay, anh Dương Thái S tiếp tục vắng mặt không có lý do, chị Bùi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh S theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, chị Bùi Thị H có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Dương Thái S.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về tình cảm: Chị Bùi Thị H và anh Dương Thái S đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã C, huyện T (nay là phường C, quận B), thành phố H, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm, 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do Anh S đã sa đà vào tệ nạn xã hội, nghiện ngập ma túy, nhiều lần xin tiền chị và cầm cố tài sản, thậm chí vay nợ bên ngoài. Vợ chồng chị không còn tiếng nói chung và hết tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn ai quan tâm đến ai và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Nội dung mâu thuẫn cũng được chính quyền địa phương xác nhận tại Biên bản xác minh ngày 06/7/2020 thể hiện: Vợ chồng chị Bùi Thị H và anh Dương Thái S là cư dân của khu phố, sinh sống tại số nhà 11 T, khu 6, phường Q, thị xã Q, tỉnh Q. Vợ chồng chị H và anh S có đăng ký kết hôn năm 2003. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh S chưa yêu cầu khu phố hòa giải về mâu thuẫn vợ chồng nên khu phố chỉ biết mâu thuẫn của anh chị S, H do anh S có tham gia vào chơi bời gây ảnh hưởng kinh tế gia đình. Cụ thể như thế nào thì khu phố không được rõ. Nếu anh S và chị H không sống được với nhau thì đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị H và anh S có 02 con chung là Dương Thái D, sinh năm 2003 và Dương Thái Bảo Ng, sinh năm 2011 hiện đang sinh sống cùng vợ chồng anh chị S, H.

Biên bản xác minh ngày 10/7/2020 tại Chi hội phụ nữ khu 6, phường Q, thị xã Q, tỉnh Q thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Dương Thái S sinh sống trên địa bàn khu 6, phường Q. Anh S, chị H không đề nghị Chi hội phụ nữ khu phố hòa giải về mâu thuẫn trong cuộc sống của anh chị. Nhưng qua tìm hiểu từ phía gia đình chị H, anh S thì bố đẻ của anh S cho biết: Chị H là con dâu trong gia đình, quá trình chung sống với anh S chị chăm lo chồng con chu đáo. Tuy nhiên, anh S là người nghiện ma túy nhiều năm không cai được. Nên nếu chị H xin ly hôn thì ông cũng ủng hộ và đề nghị cơ quan chức năng giải quyết cho con trai ông và chị H được ly hôn. Anh S và chị H có 02 con chung là Dương Thái D, sinh năm 2003 và Dương Thái Bảo N, sinh năm 2011 hiện đang sinh sống cùng vợ chồng anh chị. Về vấn đề nuôi con chung thì Chi hội phụ nữ đề nghị giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Biên bản xác minh ngày 10/7/2020 tại nhà mẹ đẻ của anh Dương Thái S. Sau khi trao đổi bà Nguyễn Thúy H cho biết như sau: Anh Dương Thái S là con trai của bà, còn chị Bùi Thị H là con dâu của bà. Trong cuộc sống gia đình thì anh S và chị H không xảy ra xô xát, cãi vã gì. Chỉ vì anh S nghiện nhiều năm nay nhưng không cai được nên anh

chị có nảy sinh mâu thuẫn. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh S, bà đề nghị xem xét giải quyết để giải phóng cho chị H.

Về con chung: Anh S và chị H có 02 con chung là Dương Thái D, sinh năm 2003 và Dương Thái Bảo Ng, sinh năm 2011. Nếu hai vợ chồng chị H và anh S ly hôn bà ủng hộ việc giao cả hai con chung cho chị H nuôi.

- Về con chung: Chị H và anh S có 02 con chung là Dương Thái D, sinh ngày 12/7/2003 và Dương Thái Bảo N, sinh ngày 01/4/2011. Chị yêu cầu được nuôi cả 02 con chung đến tuổi trưởng thành.

Tại các Biên bản lấy lời khai các cháu Dương Thái D, sinh ngày 12/7/2003 và cháu Dương Thái Bảo N, sinh ngày 01/4/2011 đều thể hiện quan điểm muốn được ở cùng với mẹ là chị Bùi Thị H.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao 02 con chung là Dương Thái D, sinh ngày 12/7/2003 và Dương Thái Bảo N, sinh ngày 01/4/2011 cho chị Bùi Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Bùi Thị H không yêu cầu anh Dương Thái S phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị Bùi Thị H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-QH, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị H.

Tuyên xử:

- Về tình cảm vợ chồng: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Dương Thái S.

- Về con chung: Chị Bùi Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Dương Thái D, sinh ngày 12/7/2003 và Dương Thái Bảo N, sinh ngày 01/4/2011 cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Dương Thái S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi; nếu lạm dụng việc thăm

nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi.

- Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ đi số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Q theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001793, ngày 07 tháng 5 năm 2020. Chị Bùi Thị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn chị Bùi Thị H và bị đơn anh Dương Thái S đều vắng mặt. Báo cho các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q
- VKSND TX. Q
- UBND phường C
- Chi cục THADS TX. Q
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Tuấn Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Đình Lý Nguyễn Thị Tuyết Bắc

Phan Tuấn Anh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 16 tháng 9 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lưu Đình Lý

2. Bà: Nguyễn Thị Tuyết Bắc

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 101/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp "*Hôn nhân và gia đình*" giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Số nhà 11 Trần Khánh Dư, pH Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

2. Bị đơn: Anh Dương Thái S, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Số nhà 11 Trần Khánh Dư, pH Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

***) Điều luật áp dụng:**

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Biểu quyết về điều luật áp dụng: 3/3 nhất trí.

***) Phần quyết định:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị H.

Tuyên xử:

- Về tình cảm vợ chồng: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Dương Thái S.

- Về con chung: Chị Bùi Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Dương Thái Duy, sinh ngày 12/7/2003 và Dương Thái Bảo Ngọc, sinh ngày 01/4/2011 cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Dương Thái S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi.

- Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ đi số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Q theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001793, ngày 07 tháng 5 năm 2020. Chị Bùi Thị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn chị Bùi Thị H và bị đơn anh Dương Thái S đều vắng mặt. Báo cho các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Biểu quyết về quyết định: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ, ngày 16 tháng 9 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BÁO CÁO ÁN

Vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” thụ lý số 101 ngày 14/8/2018;

Xét xử 14 giờ 00 phút ngày 31/8/2020.

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Số nhà 11 Trần Khánh Dư, pH Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Có đơn xin xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Dương Thái S, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Số nhà 11 Trần Khánh Dư, pH Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Nội dung: Chị Bùi Thị H và anh Dương Thái S đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm (nay là pH Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm), thành phố Hà Nội, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm, 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do Anh S đã sa đà vào tệ nạn xã hội, nghiện ngập ma túy, nhiều lần xin tiền chị H và cầm cố tài sản, thậm chí vay nợ bên ngoài. Vợ chồng chị H anh S không còn tiếng nói chung và hết tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn ai quan tâm đến ai và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Thái S.

Quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh S có hai con chung là: Dương Thái

Duy, sinh ngày 12/7/2003 và Dương Thái Bảo Ngọc, sinh ngày 01/4/2011. Chị H yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh Dương Thái S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nội dung mâu thuẫn cũng được chính quyền địa phương xác nhận tại Biên bản xác minh ngày 06/7/2020 thể hiện: Vợ chồng chị Bùi Thị H và anh Dương Thái S là cư dân của khu phố, sinh sống tại số nhà 11 Trần Khánh Dư, khu 6, pH Q, thị xã Q, tỉnh Q. Vợ chồng chị H và anh S có đăng ký kết hôn năm 2003. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh S chưa yêu cầu khu phố hòa giải về mâu thuẫn vợ chồng nên khu phố chỉ biết mâu thuẫn của anh chị S, H do anh S có tham gia vào chơi bời gây ảnh hưởng kinh tế gia đình. Cụ thể như thế nào thì khu phố không được rõ. Nếu anh S và chị H không sống được với nhau thì đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị H và anh S có 02 con chung là Dương Thái Duy, sinh năm 2003 và Dương Thái Bảo Ngọc, sinh năm 2011 hiện đang sinh sống cùng vợ chồng anh chị S, H.

Biên bản xác minh ngày 10/7/2020 tại Chi hội phụ nữ khu 6, pH Q, thị xã Q, tỉnh Q thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Dương Thái S sinh sống trên địa bàn khu 6, pH Q. Anh S, chị H không đề nghị Chi hội phụ nữ khu phố hòa giải về mâu thuẫn trong cuộc sống của anh chị. Nhưng qua tìm hiểu từ phía gia đình chị H, anh S thì bố đẻ của anh S cho biết: Chị H là con dâu trong gia đình, quá trình chung sống với anh S chị chăm lo chồng con chu đáo. Tuy nhiên, anh S là người nghiện ma túy nhiều năm không cai được. Nên nếu chị H xin ly hôn thì ông cũng ủng hộ và đề nghị cơ quan chức năng giải quyết cho con trai ông và chị H được ly hôn. Anh S và chị H có 02 con chung là Dương Thái Duy, sinh năm 2003 và Dương Thái Bảo Ngọc, sinh năm 2011 hiện đang sinh sống cùng vợ chồng anh chị. Về vấn đề nuôi con chung thì Chi hội phụ nữ đề nghị giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Biên bản xác minh ngày 10/7/2020 tại nhà mẹ đẻ của anh Dương Thái S. Sau khi trao đổi bà Nguyễn Thúy Hà cho biết như sau: Anh Dương Thái S là con trai của bà, còn chị Bùi Thị H là con dâu của bà. Trong cuộc sống gia đình thì anh S và chị H không xảy ra xô xát, cãi vã gì. Chỉ vì anh S nghiện nhiều năm nay nhưng không cai được nên anh chị có nảy sinh mâu thuẫn. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh S, bà đề nghị xem xét giải quyết để giải phóng cho chị H.

Biên bản lấy lời khai của 02 con chung anh S chị H là các cháu: Dương Thái Duy, sinh năm 2003 và Dương Thái Bảo Ngọc, sinh năm 2011; Quan điểm của các cháu đều muốn ở chung với mẹ là chị Bùi Thị H

Đề xuất:

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị H.

Tuyên xử:

- Về tình cảm vợ chồng: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Dương Thái S.

- Về con chung: Chị Bùi Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Dương Thái Duy, sinh ngày 12/7/2003 và Dương Thái Bảo Ngọc, sinh ngày 01/4/2011 cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Dương Thái S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Q, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Người báo cáo

Phan Tuấn Anh